

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2026/DS-ST
Ngày 13-8-2026
V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trà Giang và ông Huỳnh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A (có mặt), sinh năm 1964. Địa chỉ: 5 đường C, tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0336612161.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), sinh năm 1968. Địa chỉ: Số E đường C, tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y là em ruột của vợ ông A. Ngày 29/3/2022, bà Y khởi kiện ông A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, cho rằng ông A lấn chiếm 110m² đất của bà Y. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Long Điền (cũ) xét xử sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y tại Bản án số 06/2023/DS-ST ngày 23/3/2023. Ông A kháng cáo; Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ) xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại tại Bản án số 169/2023/DS-PT ngày 19/9/2023. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lại ngày 25/9/2025, bà Y rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; vụ án bị đình chỉ theo Quyết định

số 90/2025/QĐST-DS ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong suốt quá trình theo kiện, ông A và gia đình đã mất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc, trong đó phải chi 20.000.000 đồng thuê Công ty L hỗ trợ pháp lý, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia các buổi làm việc và phiên tòa; đồng thời phải nghỉ nhiều ngày làm việc để tham gia vụ việc theo yêu cầu của Tòa án. Sau khi vụ án bị đình chỉ, bà Y không có lời xin lỗi; ông A cho rằng danh dự của ông A và gia đình bị xâm phạm, bị thiệt hại cả vật chất lẫn tinh thần. Ông A yêu cầu buộc bà Y thanh toán cho ông A 20.000.000 đồng. Ông A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vì bà Y không có thiện chí hòa giải.

2. Bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc Y vắng mặt tại phiên tòa. Theo Bản trình bày ý kiến đề ngày 09/6/2026, bà Y trình bày:

Bà Y không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A vì cho rằng không có căn cứ pháp luật và không có cơ sở thực tế, cụ thể: Thứ nhất, việc bà Y khởi kiện vụ án tranh chấp liên quan đến di sản thừa kế và quyền sử dụng đất (trên cơ sở quyền khởi kiện theo Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015) và sau đó rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm (theo khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015) để nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, là việc thực hiện quyền tố tụng hợp pháp, không phải hành vi trái pháp luật làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thứ hai, ông A không chứng minh được đầy đủ các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm: có thiệt hại thực tế xảy ra; có hành vi trái pháp luật; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại; có lỗi của người gây thiệt hại. Thứ ba, chi phí thuê luật sư là khoản phát sinh từ hợp đồng dịch vụ pháp lý do chính ông A tự nguyện giao kết, là quyền lựa chọn của đương sự, không phải nghĩa vụ tài chính mà bà Y phải thanh toán; pháp luật tố tụng dân sự hiện hành không có quy định buộc bên đối tụng phải hoàn trả khoản chi phí này. Từ đó, bà Y đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/8/2026, bà Y đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án và đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của bà Y đã nộp cho Tòa án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Y thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối

với bị đơn có nơi cư trú ở xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 28/7/2026 theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/7/2026 theo đúng quy định.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và phạm vi giải quyết:

Ông A yêu cầu bà Y thanh toán 20.000.000 đồng là khoản tiền ông A đã chi để thuê Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên L bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông A trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất do bà Y khởi kiện trước đây. Quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, được điều chỉnh bởi Chương XX của Bộ luật Dân sự.

Yêu cầu khởi kiện cụ thể của ông A chỉ là khoản tiền 20.000.000 đồng nêu trên; ông A không yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần và cũng không yêu cầu bồi thường khoản thu nhập bị mất do phải nghỉ việc thành một khoản riêng có định lượng. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện này. Nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất trong vụ án đã bị đình chỉ theo Quyết định số 90/2025/QĐST-DS ngày 25/9/2025 không thuộc phạm vi xét xử của vụ án này.

[3] Về yếu tố “có hành vi xâm phạm”:

Theo khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ ba yếu tố: có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác; có thiệt hại xảy ra; có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiếu một trong ba yếu tố này thì không phát sinh trách nhiệm bồi thường.

Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; khoản 2 Điều 5 của Bộ luật này quy định trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình. Việc bà Y khởi kiện ông A ngày 29/3/2022 và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa ngày 25/9/2025 là việc thực hiện các quyền tố tụng nêu trên; Tòa án đã thụ lý và đã đình chỉ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Y khởi kiện trong khi biết rõ yêu cầu của mình không có căn cứ hoặc khởi kiện nhằm mục đích gây thiệt hại cho ông A. Ngược lại, yêu cầu khởi kiện của bà Y đã từng được Tòa án nhân dân huyện Long Điền (cũ) chấp nhận tại Bản án số 06/2023/DS-ST ngày 23/3/2023 (bản án này sau đó bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy để xét xử sơ thẩm lại vì lý do tố tụng, nhưng điều đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà Y không phải là không có cơ sở khách quan khi khởi kiện). Do đó, không có căn cứ xác định bà Y lạm dụng quyền dân sự của mình gây thiệt hại cho người khác theo Điều 10 của Bộ luật Dân sự.

Như vậy, việc bà Y khởi kiện rồi rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện không phải là hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của ông A. Yếu tố thứ nhất của căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng không thỏa mãn.

[4] Về khoản tiền 20.000.000 đồng chi phí thuê tổ chức hành nghề luật sư:

Khoản 2 và khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định chi phí cho luật sư là khoản tiền phải trả cho luật sư theo thỏa thuận của đương sự với luật sư trong phạm vi quy định của tổ chức hành nghề luật sư và theo quy định của pháp luật; chi phí cho luật sư do người có yêu cầu chịu, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác.

Khoản tiền 20.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 42/2023 do chính ông A tự nguyện giao kết với Công ty L. Bà Y không phải là một bên của hợp đồng này; giữa ông A và bà Y cũng không có thỏa thuận nào về việc bà Y phải chịu chi phí thuê luật sư của ông A.

Khoản chi này cũng không phải là chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, mà là chi phí do ông A tự lựa chọn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình tố tụng. Do đó, khoản tiền 20.000.000 đồng không cấu thành thiệt hại được bồi thường theo khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự và không có căn cứ pháp luật buộc bà Y phải hoàn trả cho ông A.

[5] Về mối quan hệ nhân quả và nghĩa vụ chứng minh:

Theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại. Việc ông A chi 20.000.000 đồng thuê tổ chức hành nghề luật sư là kết quả từ quyết định tự nguyện của chính ông A, không phải là kết quả tất yếu của việc bà Y khởi kiện, bởi pháp luật tố tụng dân sự không buộc đương sự phải thuê luật sư mới được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, giữa hành vi của bà Y và khoản chi của ông A không có mối quan hệ nhân quả.

Ngoài ra, Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 42/2023 mà ông A cung cấp là bản phô tô, chưa được đối chiếu với bản chính (đã được ông A xác nhận tại phiên tòa) và ông A chưa cung cấp Giấy biên nhận tiền đối với khoản tiền 20.000.000 đồng. Theo khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có

công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận; theo Điều 91 của Bộ luật này, ông A có nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, kể cả trường hợp ông A xuất trình được bản chính các tài liệu nêu trên thì yêu cầu khởi kiện vẫn không có căn cứ để chấp nhận vì các lý do đã phân tích tại mục [3] và mục [4].

[6] Về nội dung ông A cho rằng danh dự bị xâm phạm:

Ông A trình bày danh dự của ông A và gia đình bị xâm phạm, bị thiệt hại cả về vật chất lẫn tinh thần nhưng yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ là khoản tiền 20.000.000 đồng chi phí thuê tổ chức hành nghề luật sư. Mặt khác, việc bà Y thực hiện quyền khởi kiện và quyền rút đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật không phải là hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông A; hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Y đưa ra thông tin sai sự thật làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông A. Do đó, không có căn cứ xác định có thiệt hại về tinh thần do hành vi của bà Y gây ra theo Điều 592 của Bộ luật Dân sự.

[7] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông A về việc buộc bà Y thanh toán 20.000.000 đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông A không được chấp nhận nên ông A phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông A là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí cho ông A theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 95, khoản 1 Điều 147, Điều 168, Điều 186, Điều 205, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 10, Điều 584, Điều 585 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về việc: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Y thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (hai

mười triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Ngọc A.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2026); bà Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV13;
- THADS TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí